

HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP
CÁC LỚP TCLLCT-HC
KHÓA 03; 07; 08; 10 NĂM 2022

*

ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TCLLCT
Phòng thi: 01 (Giảng đường B2)

Stt	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Điểm			Kết quả	Ghi chú
					Môn 01	Môn 02	Môn 03		
1	001	Đinh Văn Ắk	10/02/1981	Gia Lai	7,00	8,00	7,50	Đậu	K07
2	002	Ngô Thị An	08/09/1982	Hà Tĩnh	7,00	6,00	8,00	Đậu	K07
3	003	Chu Thị Lan Anh	14/10/1993	Lạng Sơn	8,75	8,50	9,00	Đậu	K10
4	004	Võ Thị Duy Ánh	20/05/1991	Bình Định	8,75	8,75	9,00	Đậu	K07
5	005	Lâm Quốc Châu	25/03/1981	Bình Định	8,00	5,50	8,50	Đậu	K08
6	006	Nay Chương	26/10/1992	Gia Lai	8,00	8,00	8,75	Đậu	K10
7	007	Nguyễn Văn Cơ	05/09/1988	Nghệ An	7,75	8,50	8,50	Đậu	K03
8	008	Ngô Thành Công	03/08/1990	Quảng Nam	7,50	8,75	9,00	Đậu	K10
9	009	Nguyễn Phi Cung	10/11/1981	Thừa Thiên Huế	7,50	8,50	8,50	Đậu	K07
10	010	Đinh Thị Hồng Diễm	24/02/1995	Gia Lai	8,00	8,50	9,00	Đậu	K10
11	011	Lê Thị Mỹ Dung	18/09/1990	Thanh Hóa	8,00	8,50	8,50	Đậu	K10
12	012	Phạm Thị Thùy Dung	21/07/1992	Bắc Ninh	8,25	8,25	8,50	Đậu	K10
13	013	Phan Ngọc Dũng	03/05/1991	Bình Định	7,25	8,50	8,50	Đậu	K10
14	014	Đanh	1984	Gia Lai	6,00	7,25	8,25	Đậu	K07
15	015	Nguyễn Lương Đức	05/06/1996	Thừa Thiên Huế	7,50	8,00	7,75	Đậu	K10
16	016	Gonh	10/09/1994	Gia Lai	7,75	8,75	8,75	Đậu	K08
17	017	Siu H' Liễu	17/01/1986	Gia Lai	6,00	8,75	8,25	Đậu	K03
18	018	Nay H' Men	05/05/1985	Gia Lai	8,00	8,75	8,50	Đậu	K03
19	019	Hoàng Minh Hải	28/09/1996	Quảng Bình	8,00	8,50	8,50	Đậu	K10
20	020	Nguyễn Thanh Hải	22/06/1992	Bình Định	7,50	7,00	8,75	Đậu	K10
21	021	Phạm Thị Hải	02/09/1970	Thanh Hóa	7,00	7,25	8,50	Đậu	K03
22	022	Hoàng Thị Thu Hằng	06/08/1996	Lạng Sơn	7,25	8,25	8,50	Đậu	K03

Stt	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Điểm			Kết quả	Ghi chú
					Môn 01	Môn 02	Môn 03		
23	023	Phạm Thị Hằng	04/06/1986	Hung Yên	6,75	8,50	8,75	Đậu	K07
24	024	Trương Xuân Hậu	28/05/1990	Hải Dương	7,75	8,00	7,50	Đậu	K10
25	025	Rơ Mah H'De	10/08/1997	Gia Lai	8,75	8,50	8,75	Đậu	K10
26	026	Nay H'Djuk	16/06/1985	Gia Lai	8,00	8,50	7,50	Đậu	K08
27	027	Nguyễn Ngọc Hiền	27/07/1986	Bình Định	7,25	7,50	7,25	Đậu	K03
28	028	Nguyễn Thị Thu Hiền	06/03/1997	Nam Định	7,75	7,50	7,50	Đậu	K10
29	029	Trần Thị Thu Hiền	30/11/1977	Quảng Bình	7,75	8,75	8,00	Đậu	K03
30	030	Nguyễn Như Hiền	26/10/1984	Bình Định	6,75	8,50	7,75	Đậu	K08

Tổng số: 30 thí sinh

Người đọc điểm

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Người nhập điểm

Đinh Văn Nhan

Trưởng Ban phách

Nguyễn Anh Trạng

Thanh tra

Rơ Ô Trúc

Chủ tịch Hội đồng thi



Ngô Khắc Ngọc



HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP
CÁC LỚP TCLLCT-HC
KHÓA 03; 07; 08; 10 NĂM 2022

*

ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TCLLCT
Phòng thi: 02 (Giảng đường B3)

Stt	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Quê quán	Điểm			Kết quả	Ghi chú
						Môn 01	Môn 02	Môn 03		
1	031	Đinh	Hiếu	03/02/1990	Gia Lai	8,25	7,50	7,75	Đậu	K08
2	032		HMEN	1998	Gia Lai	8,75	7,50	8,75	Đậu	K07
3	033		Hnăk	23/11/1982	Gia Lai	6,75	8,00	7,50	Đậu	K03
4	034	Nguyễn Văn	Hòa	05/03/1975	Hà Tĩnh	8,00	6,75	7,50	Đậu	K07
5	035	Phạm Lâm	Hoài	08/02/1990	Lâm Đồng	8,50	7,75	8,50	Đậu	K07
6	036	Đậu Quang	Hồng	10/06/1987	Nghệ An	9,00	8,00	9,00	Đậu	K10
7	037	Trần Nguyễn Minh	Huệ	08/11/1990	Bình Định	8,75	8,50	9,00	Đậu	K07
8	038	Hoàng Mạnh	Hùng	01/01/1985	Hà Tĩnh	8,25	7,75	8,75	Đậu	K08
9	039	Trần Thị Kiều	Hưng	19/11/1985	Bình Định	8,75	7,75	8,75	Đậu	K07
10	040	Hà Thị	Hương	04/09/1983	Quảng Bình	9,00	7,75	8,00	Đậu	K08
11	041	Nguyễn Thị Thu	Hương	18/11/1981	Hưng Yên	8,50	7,50	7,75	Đậu	K08
12	042	Phạm Thị	Huyền	10/11/1982	Bình Định	8,00	7,75	8,00	Đậu	K07
13	043	Trần Thị	Huyền	15/05/1984	Thanh Hóa	8,25	8,25	8,50	Đậu	K03
14	044	Ksor	H'Wương	02/07/1997	Gia Lai	8,50	7,25	8,50	Đậu	K08
15	045	Nay	IL	25/10/1983	Gia Lai	7,50	7,50	8,25	Đậu	K03
16	046	Nguyễn Thế	Kăng	02/11/1990	Hải Dương	7,75	6,50	8,00	Đậu	K08
17	047	Lê Công	Khánh	25/09/1973	Hưng Yên	8,00	7,00	8,00	Đậu	K03
18	048	Từ Nguyễn	Khiêm	06/03/1976	Quảng Ngãi	7,75	8,00	8,25	Đậu	K03

Stt	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Điểm			Kết quả	Ghi chú
					Môn 01	Môn 02	Môn 03		
19	049	Rơ Châm Kiệt	04/07/1997	Gia Lai	8,50	6,50	7,50	Đậu	K08
20	050	Nguyễn Hữu Bích	13/07/1989	Bình Định	8,25	8,25	8,25	Đậu	K10
21	051	Vy Thị Kiều	19/11/1992	Cao Bằng	7,75	8,25	8,25	Đậu	K10
22	052	Krăm	23/07/1988	Gia Lai	7,50	7,00	7,50	Đậu	K03
23	053	Kuăn	05/05/1977	Gia Lai	7,00	5,00	7,75	Đậu	K03
24	054	Ngô Nhạc Lâm	06/07/1987	Thái Nguyên	7,00	6,50	8,00	Đậu	K03
25	055	Trần Thị Lệ	28/08/1983	Bình Định	8,25	8,00	8,00	Đậu	K08
26	056	Hoàng Thị Liên	15/02/1987	Thanh Hóa	8,25	8,50	8,75	Đậu	K07
27	057	Từ Thị Thùy Linh	30/04/1974	Quảng Ngãi	8,00	7,75	8,50	Đậu	K03
28	058	Hoàng Thị Loan	10/02/1988	Nghệ An	8,25	7,75	8,25	Đậu	K08
29	059	Nguyễn Thị Loan	24/12/1987	Thanh Hóa	8,25	8,00	8,50	Đậu	K08
30	060	Nguyễn Phạm Ngọc Long	22/02/1997	Hà Tĩnh	8,00	8,50	7,50	Đậu	K03

Tổng số: 30 thí sinh

Người đọc điểm

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Người nhập điểm

Đinh Văn Nhan

Trưởng Ban phách

Nguyễn Anh Trọng

Thanh tra

Rơ Ô Trúc

Chủ tịch Hội đồng thi



Ngô Khắc Ngọc

HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP
CÁC LỚP TCLLCT-HC
KHÓA 03; 07; 08; 10 NĂM 2022

*

ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TCLLCT
Phòng thi: 03 (Giảng đường B4)

Stt	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Quê quán	Điểm			Kết quả	Ghi chú
						Môn 01	Môn 02	Môn 03		
1	061	Phan Hồng	Luân	28/03/1987	Bình Định	8,50	8,50	8,50	Đậu	K07
2	062	Nguyễn Hữu	Lưu	16/04/1975	Quảng Trị	7,00	8,00	8,00	Đậu	K03
3	063	Kpă	Luyên	23/07/1985	Gia Lai	7,50	8,75	7,50	Đậu	K03
4	064	Nguyễn Quang	Lý	29/01/1994	Bình Định	8,50	7,50	8,00	Đậu	K08
5	065	Đoàn Thị Chi	Mai	08/01/1987	Bình Định	8,50	7,50	8,50	Đậu	K08
6	066	Đinh Thị	Mên	16/05/1996	Gia Lai	9,00	7,75	8,00	Đậu	K10
7	067	Võ Hoàng	Minh	11/10/1992	Quảng Ngãi	7,50	8,00	8,25	Đậu	K10
8	068	Hồ Thị Thanh	Nga	04/08/1994	Bình Định	7,25	7,25	8,00	Đậu	K08
9	069	Nguyễn Thị	Ngọc	25/11/1977	Bắc Ninh	9,00	7,00	8,50	Đậu	K07
10	070	Nguyễn Sỹ	Nguyên	08/05/1992	Hà Tĩnh	8,50	7,75	8,25	Đậu	K03
11	071	Nguyễn Hoài	Nhi	02/10/1996	Hà Tĩnh	7,75	8,75	8,50	Đậu	K07
12	072	Võ Thị Hồng	Nhi	10/07/1991	Bình Định	8,00	8,00	9,00	Đậu	K10
13	073	Nguyễn Thị	Như	22/10/1993	TP. Hồ Chí Minh	8,00	8,75	8,50	Đậu	K07
14	074	A	Nhưng	06/03/1983	Gia Lai	7,75	7,50	8,00	Đậu	K03
15	075		Nhứt	01/07/1971	Gia Lai	6,50	6,50	7,00	Đậu	K08
16	076	Đặng Đức	Phổ	26/08/1975	Bình Định	6,00	6,50	8,00	Đậu	K03
17	077	Đỗ Minh	Phụng	24/03/1987	Quảng Nam	8,25	8,50	8,00	Đậu	K03
18	078	Lâm Thị Kim	Phụng	27/08/1995	Cao Bằng	9,00	8,50	8,75	Đậu	K07

Stt	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Điểm			Kết quả	Ghi chú
					Môn 01	Môn 02	Môn 03		
19	079	Trương Thị Ánh Phước	27/11/1989	Quảng Ngãi	8,75	8,75	9,00	Đậu	K03
20	080	Phạm Thị Phương	14/09/1974	Hà Tĩnh	7,25	8,75	8,50	Đậu	K03
21	081	Mã Thị Kim Phượng	16/04/1988	Bình Định	8,50	8,75	8,50	Đậu	K07
22	082	Rơ Châm Pyung	04/02/1982	Gia Lai	6,25	6,50	7,50	Đậu	K07
23	083	Trần Thị Tuyết Quanh	12/02/1988	Bình Định	8,75	8,75	8,75	Đậu	K07
24	084	Lê Quang Quí	04/11/1997	Quảng Ngãi	8,50	8,75	8,75	Đậu	K07
25	085	Nguyễn Thị Quyên	06/07/1987	Thanh Hóa	8,50	8,75	9,00	Đậu	K07
26	086	Nguyễn Vũ Hoàng Quyên	15/08/1989	Quảng Nam	8,00	8,25	9,00	Đậu	K03
27	087	Y Ly Sa	08/12/1988	Kon Tum	8,00	8,75	8,50	Đậu	K10
28	088	R' Ô Soam	28/03/1993	Gia Lai	8,50	8,75	8,75	Đậu	K03
29	089	Ksor Sơn	14/02/1976	Gia Lai	6,00	8,75	7,25	Đậu	K08
30	090	Nguyễn Cao Sơn	22/02/1986	Gia Lai	8,00	7,25	8,50	Đậu	K03

Tổng số: 30 thí sinh

Người đọc điểm

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Người nhập điểm

Đinh Văn Nhan

Trưởng Ban phách

Nguyễn Anh Trạng



Thanh tra

Rơ Ô Trúc

Chủ tịch Hội đồng thi



Ngô Khắc Ngọc

HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP

CÁC LỚP TCLLCT-HC

KHÓA 03; 07; 08; 10 NĂM 2022

*

ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP TCLLCT

Phòng thi: 04 (Giảng đường B5)

Stt	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Quê quán	Điểm			Kết quả	Ghi chú
						Môn 01	Môn 02	Môn 03		
1	91	Nguyễn Trắc	Sỹ	20/06/1980	Hải Dương	7,25	7,25	7,50	Đậu	K03
2	92	Nguyễn Hữu	Tài	05/09/1992	Bình Định	9,00	8,75	8,50	Đậu	K10
3	93		Tên	18/04/1996	Gia Lai	7,25	6,00	8,00	Đậu	K10
4	94	Dương Thị Hoài	Thanh	30/07/1981	Thái Bình	7,75	6,50	7,75	Đậu	K07
5	95	Nguyễn Thị	Thảo	06/08/1994	Hải Dương	9,00	8,25	8,50	Đậu	K08
6	96	Phan Thị	Thảo	05/05/1990	Vĩnh Phúc	8,50	8,25	8,00	Đậu	K07
7	97	Phan Văn	Thiết	24/09/1994	Gia Lai	7,50	8,25	8,25	Đậu	K10
8	98	Nguyễn Quang	Thơ	16/06/1988	Bình Định	7,50	8,25	8,25	Đậu	K07
9	99	Trần Thị Kim	Thoa	16/09/1981	Hà Nam	8,00	7,50	7,00	Đậu	K08
10	100	Trần Thị Mai	Thoa	28/12/1985	Thanh Hóa	7,75	8,25	8,00	Đậu	K07
11	101		Thők	16/07/1995	Gia Lai	8,00	7,25	8,00	Đậu	K07
12	102	Nguyễn Đức	Thuận	25/02/1982	Bình Định	8,00	8,50	8,00	Đậu	K03
13	103	Nguyễn Văn	Tiên	19/02/1992	Bình Định	8,00	8,25	8,00	Đậu	K10
14	104	Phan Thanh	Tiến	06/10/1988	Bình Định	7,50	6,75	8,00	Đậu	K03
15	105	Lê Việt	Toàn	18/08/1991	Quảng Ngãi	7,50	8,00	8,00	Đậu	K10
16	106	Đặng Thị Hồng	Trà	10/02/1989	Quảng Ngãi	8,00	7,50	8,50	Đậu	K08
17	107	Văn Thị Ánh	Trinh	07/04/1985	Bình Định	8,00	8,75	8,75	Đậu	K03
18	108	Hoàng Văn	Trường	18/08/1988	Hải Dương	8,50	8,25	8,75	Đậu	K10
19	109	Vũ Hồng	Trường	12/08/1984	Hà Nội	8,00	7,50	8,25	Đậu	K03

Stt	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Điểm			Kết quả	Ghi chú
					Môn 01	Môn 02	Môn 03		
20	110	Đinh Ngọc Tuấn	02/08/1993	Gia Lai	7,75	6,00	8,50	Đậu	K08
21	111	Nguyễn Thị Bích Vân	16/03/1991	Bình Định	7,00	7,50	8,50	Đậu	K08
22	112	Rơ Lan Vênh	20/02/1993	Gia Lai	6,00	5,00	6,00	Đậu	K07
23	113	Bùi Thị Tường Vi	25/12/1989	Gia Lai	7,50	7,00	8,50	Đậu	K03
24	114	Trần Quốc Việt	28/08/1993	Nam Định	7,75	6,75	8,25	Đậu	K10
25	115	Võ Thế Vinh	28/01/1990	Quảng Ngãi	8,50	7,25	8,75	Đậu	K10
26	116	Bùi Hoàng Vũ	30/10/1988	Quảng Nam	8,50	8,00	8,75	Đậu	K07
27	117	Kiều Minh Vương	12/12/1988	Bình Định	8,25	8,00	8,00	Đậu	K08
28	118	Yuên	01/11/1997	Gia Lai	7,50	7,75	8,00	Đậu	K08

Tổng số: 28 thí sinh

Người đọc điểm

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Người nhập điểm

Đinh Văn Nhan

Trưởng Ban phách

Nguyễn Anh Trạng



Thanh tra

Rơ Ô Trúc

Chủ tịch Hội đồng thi



Ngô Khắc Ngọc